

PHẦN 1

MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN

1. Luật doanh nghiệp (Luật số 59/2020/QH14). Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực từ 01/01/2021.

Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

2. Luật hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ (Luật số: 04/2017/QH14). Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Hiện hành, có 08 văn bản QPPL hướng dẫn Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, gồm 06 Nghị định và 02 Thông tư.

- Nghị định 80/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Nghị định 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Nghị định 39/2019/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Nghị định 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
- Nghị định 38/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo
- Nghị định 34/2018/NĐ-CP về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Thông tư 07/2020/TT-BKHHCN hướng dẫn về việc thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành
- Thông tư 132/2018/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

***. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Hiện nay, tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa được hướng dẫn tại Nghị định 80/2021/NĐ-CP như sau:

(1) **Doanh nghiệp siêu nhỏ** trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia BHXH bình quân năm **không quá 10 người** và tổng doanh thu của năm **không quá 3 tỷ đồng** hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá **3 tỷ đồng**.

Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia BHXH bình quân năm không quá **10** người và tổng doanh thu của năm không quá **10** tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá **3** tỷ đồng.

(2) Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia BHXH bình quân năm không quá **100** người và tổng doanh thu của năm không quá **50** tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá **20** tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại mục (1).

Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia BHXH bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại mục (1).

(3) Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia BHXH bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định tại mục (1) và (2).

Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia BHXH bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định tại mục (1) và (2).

3. Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”

4. Văn bản của tỉnh

- Kế hoạch 564/KH-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025

- Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 ban hành một số chính sách hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Theo đó, có các chính sách:

(1) Hỗ trợ mặt bằng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (Điều 6): Doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện hoạt động đầu tư sản xuất tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã có nhà đầu tư hạ tầng hạ tầng được hỗ trợ 100% chi phí thuê mặt bằng (bao gồm chi phí thuê hạ tầng và phí sử dụng hạ tầng) trong 03

năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng, tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/doanh nghiệp.

(2) Hỗ trợ DN nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (Điều 9)

a. Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới:

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị nhãn hiệu. Kinh phí hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/01 nhãn hiệu, mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 02 nhãn hiệu/năm.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích. Kinh phí hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/01 hợp đồng/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý. Kinh phí hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/01 hợp đồng/doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 01 lần/năm.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở. Kinh phí hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/1 hợp đồng/doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 01 lần/năm.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường (tự kiểm tra phương tiện đo, trang bị dụng cụ để tự kiểm tra sai số của phương tiện đo, tự kiểm tra lượng của hàng đóng gói sẵn....). Kinh phí hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/1 hợp đồng/doanh nghiệp.

- Các nội dung hỗ trợ khác thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm c, điểm đ khoản 2 Điều 21 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP .

b. Hỗ trợ về ứng dụng, chuyển giao công nghệ: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP .

c. Hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa

- Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo chuyên sâu về các nội dung sau: xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học. Chi phí hỗ trợ không quá 10 triệu đồng trên một khóa đào tạo và không quá 01 khóa đào tạo trên năm.

- Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước nhưng mức tối đa không quá 20 triệu đồng/doanh nghiệp và mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 2 lần/năm. Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại quốc tế nhưng mức tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp và mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 2 lần/năm. Được ưu tiên tham gia Chương trình xúc tiến thương mại có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Các nội dung hỗ trợ khác thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm d, khoản 4 Điều 21 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP .

d. Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung

- Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 25 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ phí tham gia các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 21 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP .

(3) Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia liên kết ngành, chuỗi giá trị

a. Hỗ trợ chi phí đối với các khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên biệt tại hiện trường: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP

b. Hỗ trợ liên kết sản xuất, kinh doanh

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thúc đẩy liên kết trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Mức tối đa không quá 50 triệu đồng/hợp đồng.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng các dự án liên kết kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển thị trường, nâng cao giá trị của sản phẩm, hàng hóa. Mức tối đa không quá 100 triệu đồng/hợp đồng.

c. Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh. Mức tối đa không quá 07 triệu đồng/doanh nghiệp và không quá 01 lần/năm.

- Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước nhưng mức tối đa không quá 20 triệu đồng/doanh nghiệp và mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 2 lần/năm. Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại quốc tế nhưng mức tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp và mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 2 lần/năm. Được ưu tiên tham gia Chương trình xúc tiến thương mại có sử dụng ngân sách nhà nước.

d. Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở. Kinh phí hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/1 hợp đồng/doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 01 lần/năm.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp tự tổ chức đo lường. Mức tối đa không quá 10 triệu đồng/hợp đồng.

- Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mức tối đa không quá 20 triệu đồng/doanh nghiệp và không quá 02 lần/năm.

- Nội dung hỗ trợ khác theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 4 Điều 24; điểm b, điểm c, điểm d khoản 5 Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP .

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP – ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO

1. Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Theo Luật hỗ trợ DNNVV, Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

Nội dung hỗ trợ được quy định tại các điều khoản sau:

Tại Điều 17 quy định: Các doanh nghiệp để được hỗ trợ cần đáp ứng các điều kiện:

Thứ nhất, Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

Thứ hai, Chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần.

Các nội dung hỗ trợ bao gồm: Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật; hỗ trợ tham gia cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hướng dẫn thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới; Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; Hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; Hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng.

Nhằm hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, Luật quy định hoạt động, phương thức đầu tư (theo Điều 18), như sau:

Thứ nhất, Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo bao gồm quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Thứ hai, Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây:

a) Đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư;

b) Nhà đầu tư tư nhân góp vốn vào quỹ phải có điều kiện tài chính và chịu trách nhiệm về vốn góp của mình.

Thứ ba, Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn đối với thu nhập từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thứ tư, Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây:

a) Lựa chọn các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo đủ điều kiện để cùng đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;

b) Khoản vốn đầu tư từ ngân sách địa phương không quá 30% tổng vốn đầu tư mà doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo huy động được từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn;

c) Tiến hành chuyển nhượng vốn đầu tư cho nhà đầu tư tư nhân trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm góp vốn đầu tư. Việc chuyển nhượng vốn đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Ngoài ra, còn có Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, đó là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Thủ tướng Chính phủ thành lập, thực hiện các chức năng sau đây:

Thứ nhất, Cho vay, tài trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

Thứ hai, Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Luật Đầu tư

Các doanh nghiệp khi đầu tư vào các ngành, nghề sau sẽ được nhận ưu đãi đầu tư:

a) Hoạt động công nghệ cao, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao; hoạt động nghiên cứu và phát triển;

b) Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng từ 30% trở lên, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;

c) Sản xuất sản phẩm điện tử, sản phẩm cơ khí trọng điểm, máy nông nghiệp, ô tô, phụ tùng ô tô; đóng tàu;

d) Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho ngành dệt may, da giày và các sản phẩm quy định tại điểm c khoản này;

đ) Sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin, phần mềm, nội dung số;

e) Nuôi trồng, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; trồng và bảo vệ rừng; làm muối; khai thác hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá; sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, sản phẩm công nghệ sinh học;

g) Thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải;

h) Đầu tư phát triển và vận hành, quản lý công trình kết cấu hạ tầng; phát triển vận tải hành khách công cộng tại các đô thị;

i) Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp;

k) Khám bệnh, chữa bệnh; sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, thuốc chủ yếu, thuốc thiết yếu, thuốc phòng, chống bệnh xã hội, vắc xin, sinh phẩm y tế, thuốc từ dược liệu, thuốc đông y; nghiên cứu khoa học về công nghệ bào chế, công nghệ sinh học để sản xuất các loại thuốc mới;

l) Đầu tư cơ sở luyện tập, thi đấu thể dục, thể thao cho người khuyết tật hoặc chuyên nghiệp; bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

m) Đầu tư trung tâm lão khoa, tâm thần, điều trị bệnh nhân nhiễm chất độc màu da cam; trung tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em lang thang không nơi nương tựa;

n) Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.

o) Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

Theo Quyết định 844, đối tượng được hỗ trợ, là:

a) Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Doanh nghiệp khởi nghiệp có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất - kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hiệu quả, đáp ứng các tiêu chí sau:

- Người đứng đầu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp;

- Tổ chức có ít nhất 01 năm hoạt động, cung cấp dịch vụ cho ít nhất 10 nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất 01 tỷ đồng cho các nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam;

- Có quy trình hỗ trợ khởi nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thỏa thuận hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài về đầu tư, đào tạo, huấn luyện, tư vấn cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

Các hoạt động của Đề án, bao gồm:

a) Xây dựng Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia cung cấp thông tin về công nghệ, sáng chế, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ; chính sách, pháp luật; nguồn nhân lực; nguồn đầu tư và giao dịch đầu tư; đối tác, khách hàng; sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới; tổ chức, cá nhân hỗ trợ; tin tức, sự kiện trong nước, quốc tế và các hoạt động khác hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

b) Xây dựng Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các Bộ địa phương có tiềm năng phát triển hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trong đó:

- Hỗ trợ một phần kinh phí sửa chữa và áp dụng mức phí ưu đãi trong khai thác cơ sở hạ tầng (diện tích, không gian sẵn có) tại các địa điểm thuận lợi cho cung cấp dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ưu tiên khu vực gần các trường đại học, tổ chức kinh tế, tài chính;

- Hỗ trợ kinh phí lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin và cung cấp dịch vụ Internet miễn phí trong Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;

- Thu hút tư nhân đầu tư sửa chữa, trả phí khai thác cơ sở hạ tầng, lắp đặt trang thiết bị cần thiết và tổ chức quản lý, khai thác Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; cung cấp các dịch vụ đào tạo, huấn luyện, tư vấn; kết nối đầu tư, khách hàng; cung cấp nguồn nhân lực, không gian làm việc, thiết bị dùng chung cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

c) Hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước về khoa học và công nghệ hàng năm để tổ chức sự kiện Ngày hội khởi nghiệp công nghệ quốc gia (TECHFEST) với quy mô quốc tế.

Các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo có tiềm năng phát triển hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hỗ trợ kinh phí cho việc thuê địa điểm, gian hàng, trưng bày, vận chuyển trang thiết bị, truyền thông cho các sự kiện, cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực, tại các địa phương, đơn vị cơ sở.

d) Tiếp tục triển khai Đề án Thương mại hóa công nghệ với quy mô dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia đến năm 2020 với các nội dung sau:

- Xây dựng, phát triển mạng lưới các tổ chức thúc đẩy kinh doanh dựa trên việc lựa chọn, xây dựng năng lực cho một số cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiềm năng và đầu tư vốn ban đầu cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;

- Xây dựng mạng lưới nhà đầu tư cá nhân và mạng lưới quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

đ) Phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

- Hỗ trợ một phần kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh;

- Hỗ trợ một phần kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh;

- Hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp và sử dụng các dịch vụ: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.

e) Phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

- Hỗ trợ một phần kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật của một số cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; kinh phí tư vấn thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; dự án hỗ trợ thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

- Hỗ trợ một phần kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

f) Hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp và phổ biến, tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp thành công của Việt Nam.

g) Hỗ trợ một phần kinh phí để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm của Việt Nam với khu vực và thế giới; kết nối và hỗ trợ một phần kinh phí để doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn tại một số tổ chức thúc đẩy kinh doanh uy tín ở nước ngoài.

h) Giới thiệu đối tác, nhà đầu tư, hỗ trợ thủ tục nhà đầu tư, doanh nghiệp khởi nghiệp trong nước thông qua các đại diện khoa học và công nghệ, đại diện thương mại Việt Nam ở nước ngoài tiếp cận thị trường nước ngoài.

i) Khuyến khích sử dụng các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương và của doanh nghiệp để tài trợ, hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ, thử nghiệm thị trường, cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

k) Nghiên cứu, đề xuất ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật cần thiết để thúc đẩy môi trường khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về:

- Đăng ký thành lập, hoạt động của tổ chức, cá nhân đầu tư mạo hiểm;
- Cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ ban đầu của Nhà nước và khuyến khích đầu tư tiếp theo cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân và cộng đồng xã hội;
- Cơ chế hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp của các Bộ, ngành, địa phương có nhu cầu và tiềm lực phát triển hoạt động khởi nghiệp;
- Cơ chế thuế, tài chính đặc thù đối với tổ chức và cá nhân có hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoặc đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ;
- Cơ chế hỗ trợ thoái vốn của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

IV. Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện đề án “hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”

Thực hiện Quyết định số 844, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2019/TT-BTC nhằm quy định quản lý tài chính, đối tượng được hỗ trợ đó là các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện Đề án 844 và cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Doanh nghiệp khởi nghiệp có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu

V. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/10/2021.

(1) Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung

- Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;
- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng.

(2) Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

(3) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

(4) Hỗ trợ công nghệ

Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

(5) Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương

mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 5 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm.

(6) Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo

- Miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế; các sáng chế, thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học; thông tin kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tại Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử;

- Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 30 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp.

Phần 2.

TÌM KIẾM XÂY DỰNG Ý TƯỞNG KINH DOANH

1. Tìm kiếm ý tưởng kinh doanh bằng cách nào ?

a. Cách thức để tìm được ý tưởng kinh doanh: Có 2 cách để tìm kiếm ý tưởng kinh doanh của bạn:

Cách 1: Xuất phát từ quan điểm định hướng hàng hóa

Cách 2: Xuất phát từ quan điểm định hướng khách hàng

Quan điểm định hướng hàng hoá	Quan điểm định hướng khách hàng
- Tôi tốt nghiệp đại học ngoại ngữ tôi sẽ thành lập trung tâm ngoại ngữ.	- Trong thị trấn nhiều trung tâm gặp khó khăn trong chiêu sinh do ít có giáo viên giỏi tham gia giảng dạy tại trung tâm, lương giáo viên các trung tâm đó trả thấp nên tôi sẽ thành lập trung tâm ngoại ngữ.
- Tôi học làm bác sĩ tôi có điều kiện để mua trang thiết bị máy móc. Tôi sẽ mở phòng khám tư cho trẻ em.	- Trong phường có nhiều trẻ em khi bị ốm phải đi khám xa, trên địa bàn phường lại chưa có phòng khám tư nào, vì thế tôi sẽ mở phòng khám tư cho trẻ em.
- Tôi biết trồng cây đậu tương mới vì thế tôi sẽ phổ biến kỹ thuật trồng cây này tới bà con trong xã tôi và cung cấp giống đậu tương này tới bà con.	- Chị em phụ nữ trong xã tôi mong muốn được trồng giống đậu tương mới, năng suất cao vì trước đây họ chỉ trồng giống cũ năng suất thấp vì thế tôi sẽ chuyển giao kỹ thuật trồng giống cây này và cung cấp giống mới cho chị em trong xã.

Có thể kết hợp cả hai cách để tìm ý tưởng kinh doanh cho mình. Vì xuất phát từ quan điểm định hướng khách hàng nhưng người chủ không có kỹ năng làm ra sản phẩm có chất lượng được thị trường chấp nhận thì doanh nghiệp không có khách hàng ngược lại nếu bạn xuất phát từ quan điểm hàng hóa, sản xuất ra sản phẩm tuyệt vời theo ý tưởng của bạn mà không có khách hàng thì việc kinh doanh ấy cũng thất bại.

b. Tìm cơ hội kinh doanh tốt ở đâu?

- Quan sát: xem những hàng hóa hay dịch vụ nào còn có thể cung cấp cho người tiêu dùng mà chưa được biết đến (hay những vấn đề mà những người khác gặp phải).

- Lắng nghe: Mọi người nói gì khi mua hàng hóa hay sử dụng dịch vụ của bạn (hay những khó khăn mà chính bạn gặp phải).

- Tìm hiểu nhu cầu còn thiếu (hay những gì còn thiếu trong cộng đồng xung quanh bạn).

- Đọc sách báo, bản thông tin kinh tế, xem truyền hình...

2. Một ý tưởng kinh doanh tốt cần những yếu tố nào ?

Lợi ích khách hàng: Đặc điểm đầu tiên của một ý tưởng kinh doanh thành công chính là chỉ ra rõ ràng nhu cầu nào của con người sẽ được đáp ứng và đáp ứng dưới hình thức nào sản phẩm hay dịch vụ những điểm khác biệt của sản phẩm thường được chuyên gia marketing gọi là lợi điểm bán hàng độc nhất.

Lợi ích của khách hàng là gì? Ý tưởng kinh doanh này giải quyết được vấn đề gì đang tồn tại? Thành công trên thị trường đến từ khách hàng hài lòng với sản phẩm chứ không phải vì sản phẩm tuyệt vời.

Thị trường nào ? Một ý tưởng kinh doanh chỉ có giá trị kinh tế thực tiễn khi người ta muốn dùng sản phẩm hoặc dịch vụ đó, nên đặc điểm thứ hai của một ý tưởng kinh doanh thành công là chứng minh sự tồn tại của thị trường mục tiêu cho sản phẩm dịch vụ và Nhận diện những nhóm khách hàng mục tiêu. Quy mô thị trường như thế nào ? Nhóm khách hàng hay phân khúc thị trường nào là mục tiêu chính.

Sản phẩm/dịch vụ mang lại dòng tiền bằng cách nào

Hầu hết Sản phẩm tạo dòng tiền trực tiếp từ việc bán hàng cho khách. Tuy nhiên trong vài trường hợp cơ chế tạo doanh thu có thể khá phức tạp Ví dụ như một sản phẩm được tặng miễn phí cho khách hàng như nguồn thu đến từ Quảng cáo đi kèm. Vì vậy đặc điểm thứ ba tạo nên một ý tưởng kinh doanh thành công chính là làm rõ dòng tiền được tạo ra như thế nào và là bao nhiêu.

Để kiểm tra ý tưởng kinh doanh, ý tưởng của bạn phải trả lời được các câu hỏi sau:

- Ai là khách hàng của bạn?
- Tại sao Khách hàng muốn mua sản phẩm của bạn ?
- Nhu cầu nào của khách hàng sẽ được thỏa mãn ?
- Đây là điểm đột phá trong ý tưởng kinh doanh của bạn ?
- Tại sao sản phẩm của bạn tốt hơn những lựa chọn tương tự khác trên thị trường ?
- Đây là lợi thế cạnh tranh của công ty mới và tại sao đối thủ không thể sao chép lại ý tưởng của bạn ?
- Ý tưởng kinh doanh của bạn độc đáo từ đâu ?
- Liệu ý tưởng này có thể được bảo vệ với bằng sở hữu trí tuệ?
- Liệu sản phẩm có kiếm ra tiền ?
- Liệt kê những chi phí trong quá trình sản xuất và xác định giá dự kiến cho sản phẩm

3. Làm thế nào để trình bày ý tưởng kinh doanh của bạn trước những nhà đầu tư tiềm năng

Trình bày ý tưởng kinh doanh trước nhà đầu tư chính là bước rất quan trọng. Làm sao để nội dung và sự trình bày chuyên nghiệp thu hút được sự chú ý quan tâm của nhà đầu tư. Một nhà đầu tư mạo hiểm có danh tiếng có thể nhận tới 40 ý tưởng kinh doanh mỗi tuần và thời gian họ thì có hạn. Vì vậy, mục tiêu đầu tiên đó

là sự rõ ràng, không nên trông đợi nhà đầu tư sẽ thông hiểu công nghệ liên quan đến sản phẩm /dịch vụ hay am hiểu những thuật ngữ chuyên ngành của bạn. Cho nên nội dung trình bày cần ngắn gọn, xúc tích và cách thể hiện của tác giả.

Nội dung trình bày trên giấy gồm:

Trang tiêu đề

- Tên sản phẩm dịch vụ
- Tên người khởi tạo khởi nghiệp
- Những điểm bảo mật lưu ý
- Hình minh họa (nếu phù hợp)

Tối đa hai trang văn bản gồm:

- Miêu tả về sản phẩm dịch vụ
- Lợi ích khách hàng
- Những đặc điểm đổi mới
- Miêu tả đặc điểm nhóm khách hàng
- Cơ chế doanh thu
- Có tìm hiểu minh họa hoặc biểu đồ nếu cần thiết

* **Bài tập cá nhân:** Hãy liệt kê các ý tưởng bạn mong muốn kinh doanh trong thời gian tới và tự đánh giá các ý tưởng kinh doanh đó.

PHẦN 3.

LỰA CHỌN XÂY DỰNG MÔ HÌNH KINH DOANH

I. CÁC MÔ HÌNH TỔ CHỨC KINH DOANH

1. Hộ Kinh doanh cá thể: do 1 cá nhân là công dân VN hoặc 1 nhóm người hoặc 1 hộ gia đình làm chủ, đăng ký kinh doanh tại một điểm và sử dụng không quá 10 lao động, không có con dấu và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

2. Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do 01 cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp

- Doanh nghiệp tư nhân có Mã số thuế, con dấu; được quyền in và phát hành các loại hóa đơn, thực hiện các chế độ kế toán hiện hành theo luật doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp tư nhân không có Điều lệ công ty.

3. Công ty TNHH 1 thành viên là doanh nghiệp do một cá nhân hoặc một tổ chức làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty); chủ sở hữu công ty

chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

- Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh.
- Không được quyền phát hành cổ phần ra công chúng để tăng vốn điều lệ. Tự chịu trách nhiệm bằng các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của công ty bằng số vốn điều lệ.

4. Công ty TNHH 2 thành viên trở lên: Là doanh nghiệp, trong đó:

- Thành viên có thể là tổ chức, cá nhân; không vượt quá năm mươi thành viên;
- Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn cam kết góp vào doanh nghiệp;
- Phần vốn góp của thành viên chỉ được chuyển nhượng theo quy định của Luật DN.
- Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Không được quyền phát hành cổ phần.

5. Công ty hợp danh là doanh nghiệp trong đó phải có ít nhất hai thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung gọi là thành viên hợp danh; ngoài các thành viên hợp danh có thể có thành viên góp vốn nhưng không được tham gia quản lý công ty và hoạt động kinh doanh nhân danh công ty.

- Có tư cách pháp nhân
- Chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ, nghĩa vụ công ty.
- Không được phát hành bất cứ loại chứng khoán nào

6. Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.

- Có tư cách pháp nhân, tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.
- Mỗi HTX có số lượng thành viên từ 7 người trở lên.
- Các thành viên TX cùng góp vốn, tài sản, công sức, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

7. Công ty cổ phần: Là doanh nghiệp, trong đó:

- Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần;
- Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu **là 03** và không hạn chế số lượng tối đa;

- Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp;
- Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật DN.
- Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Công ty cổ phần có quyền phát hành cổ phần các loại để huy động vốn.

II. LỰA CHỌN MÔ HÌNH KINH DOANH

1. Nghiên cứu tìm hiểu về các mô hình kinh doanh
2. Đánh giá bản thân với điều kiện là chủ doanh nghiệp
3. Đánh giá tác động môi trường kinh doanh

PHẦN 4.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, TÌM KIẾM THỊ TRƯỜNG

1. Thị trường là gì?

- Theo định nghĩa cổ điển, thị trường là nơi mua bán, trao đổi hàng hóa, mà qua đó nó cung cấp những hàng hóa đáp ứng nhu cầu cho người tiêu dùng.
- Hiện nay, định nghĩa khái quát nhất về thị trường là mối quan hệ kinh tế tổng hợp của 5 thành tố: hàng hóa, cung, cầu, giá cả và phương thức giao dịch thanh toán.

2. Các phần chủ yếu của nghiên cứu (Phân tích) thị trường

- Phân tích khách hàng:
 - + Người mua đặc trưng
 - + Lý do mua hàng
- Xác định thị trường:
 - + Thị trường tổng thể
 - + Thị phần mục tiêu
 - + Kiểm soát thay đổi
- Cạnh tranh:
 - + Nhận dạng
 - + Phân tích

- Phân tích cạnh tranh:
- + So sánh cạnh tranh
- + Tác động của cạnh tranh
- + Các tác động khác tới doanh nghiệp
- + Đánh giá khả năng cạnh tranh

3. Nghiên cứu khách hàng

Bốn bước nhận dạng “người mua mục tiêu”

a. Phân bố địa lý

- Địa điểm của khách hàng;
- Địa điểm các cơ sở sx hoặc dịch vụ.;
- Các lợi thế khu vực;
- Dân số;
- Các nguồn tài nguyên thiên nhiên (cung cấp nước...)

b. Hoạt động chung của người mua

- Kinh doanh hoặc sản xuất (nhà sản xuất thiết bị ban đầu hay người sử dụng cuối cùng);
- Cơ quan chính phủ hay các tổ chức khác;
- Cá nhân.

c. Vị trí trách nhiệm của người mua:

- Chủ doanh nghiệp;
- Người quản lý;
- Nhân viên;
- Cá nhân

d. Các đặc điểm cá nhân của người mua

- Tuổi;
- Những đặc điểm thể chất;
- Giới tính;
- Mức thu nhập;

- Sở thích;
- Những mối liên hệ chính trị;
- Trường đại học, thành viên câu lạc bộ v.v...

4. Nghiên cứu cạnh tranh - đối thủ cạnh tranh

Đối thủ cạnh tranh là những người cùng cung cấp một loại sản phẩm hoặc cùng một loại dịch vụ trên cùng 1 thị trường.

** Những thông tin cần tìm hiểu đối thủ cạnh tranh:*

- Có bao nhiêu đối thủ cạnh tranh trên địa bàn hoạt động của nhà kinh doanh
- Hàng hóa/dịch vụ của họ như: chủng loại, chất lượng, mẫu mã, bao bì,
- Giá bán cao hay thấp - Cách thu hút khách hàng: có quảng cáo, khuyến mại, có cung cấp thêm dịch vụ nào khác không
- Ý kiến của khách hàng về hàng hóa/dịch vụ của doanh nghiệp đối thủ
- Nguyên nhân tại sao khách hàng lại mua của doanh nghiệp đối thủ chứ không mua của bạn.

** Tìm hiểu đối thủ cạnh tranh bằng cách:*

- Quan sát công việc kinh doanh của họ;
- Đóng vai khách hàng đến mua hàng (hoặc sử dụng dịch vụ) của họ;
- Hỏi khách hàng và lắng nghe họ trả lời về việc mua hàng của đối thủ cạnh tranh;
- Đọc sách báo nói về đối thủ cạnh tranh...

** Những giả định về thị trường*

- Thị trường trong nước còn hẹp, qui mô nhỏ, lại bị hàng ngoại nhập xâm lấn;
- Thị trường xuất khẩu còn bấp bênh;
- Cuộc cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, bắt đầu trở nên không lành mạnh;
- Phương thức thanh toán giao dịch còn nghèo hơn, lạc hậu;
- Giá cả trên thị trường còn chứa đựng nhiều yếu tố bất hợp lý, bất bình đẳng;
- Thị trường còn nhiều yếu tố rủi ro, bất trắc.

Bài tập: Nghiên cứu và đánh giá thị trường

PHẦN 5.

PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG LẬP KẾ HOẠCH

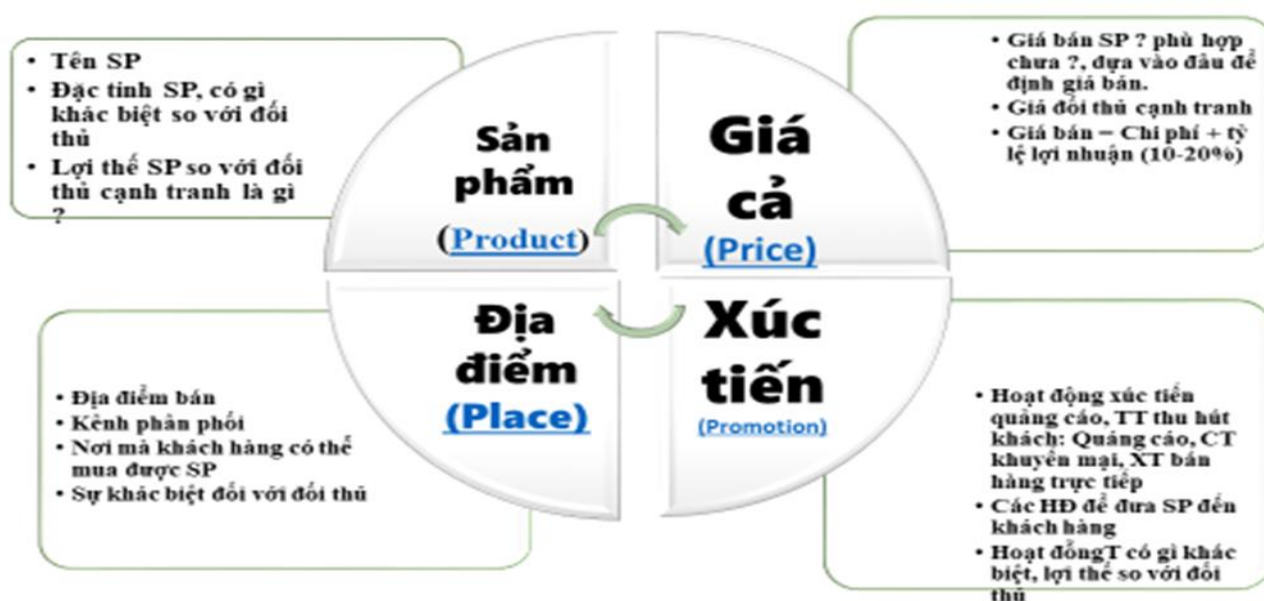
1. Kế hoạch Marketing

Marketing là những việc bạn làm để tìm hiểu khách hàng của mình là những ai, họ cần gì, họ mong muốn gì và làm thế nào để đáp ứng nhu cầu của họ đồng thời tạo ra lợi nhuận. Hay nói cách khác: Marketing là tất cả những việc bạn làm nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng đồng thời tạo ra lợi nhuận cho việc kinh doanh của bạn.

Mục tiêu của lập KH Marketing

- Xác định khách hàng mục tiêu/thị trường mục tiêu
- Định vị được SP/DV của bạn trên TT (hay nói cách khác làm thế nào để khách hàng và đối thủ cạnh tranh nhận biết SP/DV của bạn; SP/DV của bạn có đặc điểm gì và lợi ích mang lại từ SP/DV đối với khách hàng)
- Đưa ra Chiến lược Marketing hiệu quả để thu hút khách hàng và giữ chân khách hàng (Các hoạt động xúc tiến TM)

PHƯƠNG PHÁP LẬP KẾ HOẠCH MARKETING 4P



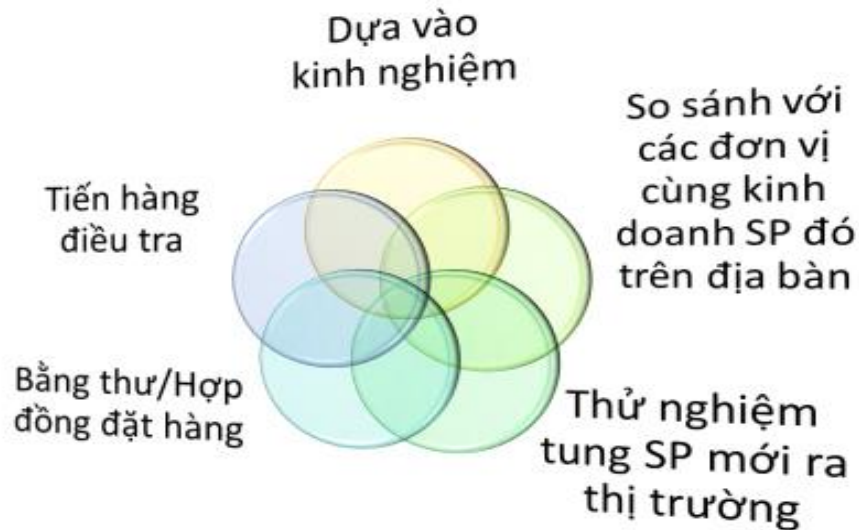
Thực hành: Lập KH Marketing đối với 01 sản phẩm cụ thể

2. Kế hoạch sản xuất

- **Nội dung chủ yếu của kế hoạch sản xuất:** Xác định được quy trình và điều kiện phục vụ sản xuất; Xác định được số lượng từng loại SP được sản xuất ra trong kỳ kế hoạch; Nhu cầu sử dụng các yếu tố sản xuất như máy móc thiết bị, lao động, diện tích sản xuất; Nhu cầu vật tư nguyên vật liệu cho sản xuất cũng như các loại bán thành phẩm mua ngoài; Xác định số lượng tồn kho cuối kỳ đối với từng loại thành phẩm, bán thành phẩm và từng loại vật tư.

- Để lập kế hoạch sản xuất cần ước tính được lượng hàng bán ra trong kỳ kế hoạch; thống kê đầy đủ số lượng sản phẩm tồn kho; số lượng sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất sẽ được hoàn thành trong kỳ kế hoạch; năng lực sản xuất của toàn doanh nghiệp; các thông tin về chi phí sản xuất...

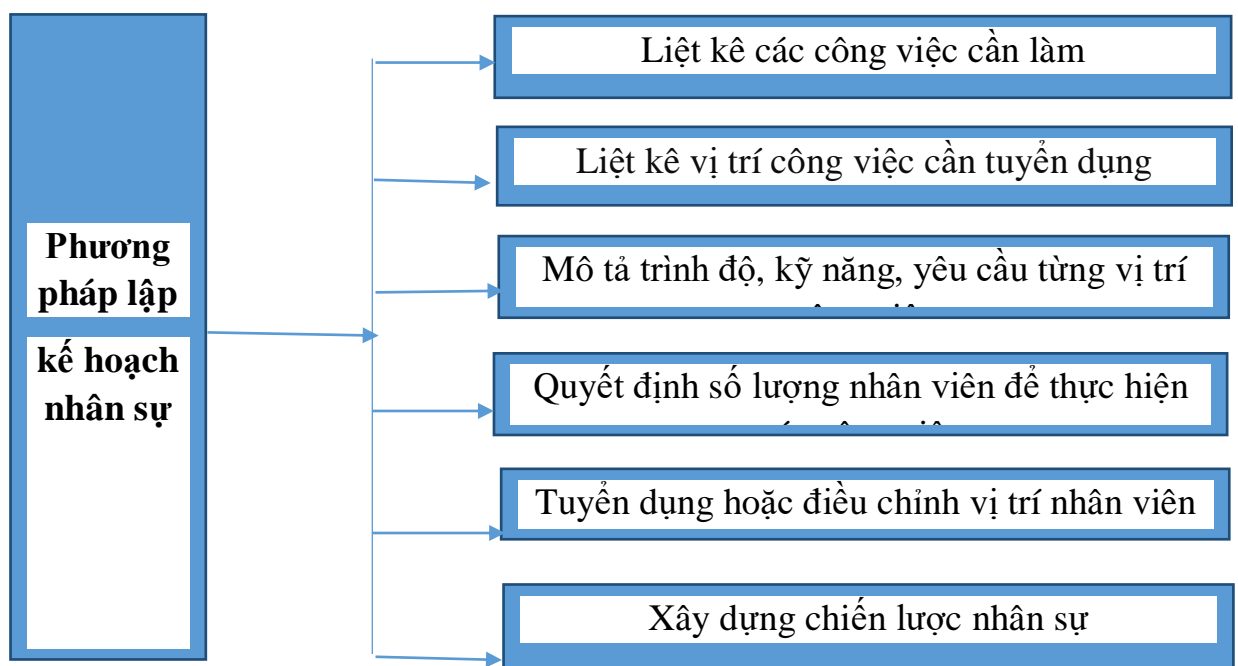
PHƯƠNG PHÁP ƯỚC TÍNH LƯỢNG HÀNG BÁN RA



Thực hành: Lập KH sản xuất đối với sản phẩm Mỳ Chũ/Gà đồi/rau an toàn

3. Kế hoạch nhân sự

- **Mục tiêu:** Xác định cơ cấu bộ máy tổ chức nhân sự tại đơn vị; Số lượng người ở từng bộ phận: marketing, sản xuất, tài chính, nhân sự; Yêu cầu về chất lượng, trình độ nhân sự của từng vị trí; => xây dựng kế hoạch tuyển dụng; đào tạo năng lực; Các chế độ đối với người lao động: phúc lợi, lương, thưởng.



4. Kế hoạch tài chính khởi nghiệp

a. Mục tiêu:

- Lựa chọn loại hình kế toán (DN/HTX/hộ gia đình).
- Ước tính tổng vốn khởi sự
- Xác định tổng vốn đầu tư và các nguồn tài chính
- Xác định được chi phí
- Ước tính được doanh thu và lợi nhuận
- Lập Kế hoạch lưu chuyển dòng tiền
- Báo cáo cân đối kế toán
- Kế hoạch trả nợ vốn vay (nếu có)

b. Xác định tổng đầu tư và các nguồn tài chính

Khoản mục	Tổng vốn	Vốn tự có	Vốn vay
<i>A. Vốn ban đầu</i>			
<i>B. Vốn cố định</i>			
<i>C. Vốn lưu động</i>			
Tổng vốn đầu tư (A+B+C)			
Tỷ lệ %			

c. Xác định chi phí trong sản xuất/kinh doanh

Khoản mục chi phí	Số lượng	Đơn giá	Tổng chi phí
1. Khấu hao TSCĐ			
2. Chi phí lưu động			
Tổng chi phí (1+2)			

d. Định giá sản phẩm

- Tính giá thành:

Giá thành sản phẩm = Tổng chi phí/số lượng sản phẩm sản xuất ra

- Định giá bán: có 2 phương pháp

+ Giá bán = Giá thành + Tỷ lệ % lợi nhuận biên

+ Định giá cạnh tranh

e. Xác định doanh thu/lợi nhuận

Thời gian	T1	T2		T12
1. Tổng doanh thu							

2. Tổng chi phí							
Lợi nhuận trước thuế (1-2)							

g. Kế hoạch lưu chuyển dòng tiền

Hạng mục	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm
A. Tổng thu					
Dư đầu kỳ					
Doanh thu thu được					
Các khoản phải thu					
Thu khác (tiền vay,)					
B. Tổng chi					
Nguyên vật liệu					
Lương công nhân					
Mua sắm TSCĐ					
Trả lãi tiền vay					
C. Dư cuối kỳ (C=A-B)					

Bài tập thực hành; Lập kế hoạch tài chính khởi nghiệp